

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày 25-02-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Bá Quyền;

Ông Lê Quang Xệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa:
Bà Bò Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 324/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 19880; địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã Đ, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Thanh H, sinh năm 1980; địa chỉ thường trú: Tổ A, ấp B, xã Đ, thị xã T, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: Số I, tổ V, khu phố E, phường L, thành phố H, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Thành T trình bày:

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Thành T và bà Trần Thị Thanh H chung sống với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Th, thành phố H, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 01/2004 ngày 05-11-2004. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã nhiều lần trao

đôi nhưng không thể hàn gắn hạnh phúc gia đình, ông T và bà H không còn sống chung từ năm 2011 đến nay. Ông T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị Thanh H.

Về con chung: Ông T và bà H có hai con chung là Nguyễn Thanh N, sinh ngày 26-7-2005 và Nguyễn Thanh Nh, sinh ngày 31-7-2009. Hiện tại, các con chung đang sống cùng bà H nên khi ly hôn ông T không yêu cầu nuôi dưỡng hai con chung mà để bà H nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Trần Thị Thanh H đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển giao tài liệu, chứng cứ nguyên đơn khởi kiện, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà H không đến Tòa án, cũng không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Cháu Nguyễn Thanh N và Nguyễn Thanh Nh có văn bản trình bày ý kiến: Nếu cha mẹ ly hôn, các cháu có nguyện vọng được sống với mẹ là bà Trần Thị Thanh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu và kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn giữa ông T và bà H là trầm trọng vì vợ chồng không còn sống chung từ năm 2011 nên yêu cầu ly hôn của ông T là có căn cứ; về con chung, ông T không yêu cầu nuôi dưỡng con chung mà để bà H nuôi dưỡng con chung, xét thấy con chung đang sống cùng bà H và các con chung đều có nguyện vọng sống cùng bà H nên yêu cầu của ông T là có căn cứ. Về cấp dưỡng nuôi con, ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi dưỡng 02 con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng, mức cấp dưỡng này là phù hợp. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn bà Trần Thị Thanh H vắng mặt tất cả các lần Tòa án thông báo, triệu tập là vi phạm nghĩa vụ của đương sự, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[1.2] Nguyên đơn ông Nguyễn Thành T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Trần Thị Thanh H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thành T và bà Trần Thị Thanh H chung sống với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Th, thành phố H, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 01/2004 ngày 05-11-2004, là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, quá trình tố tụng tại Tòa án, bà H không đến Tòa án cho thấy bà H không thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, ông T và bà H không còn sống chung, đồng thời ông T kiên quyết ly hôn nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân của ông T và bà H không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc, do vậy ông T yêu cầu được ly hôn với bà H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Điều Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Ông T yêu cầu giao 02 con chung Nguyễn Thanh N, sinh ngày 26-7-2005 và Nguyễn Thanh Nh, sinh ngày 31-7-2009 cho bà H nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy, hiện tại con chung đang sống cùng bà H, các con chung có nguyện vọng sống cùng bà H; ông T xác định bà H chăm sóc con chung đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con. Do vậy, yêu cầu của ông T giao hai con chung cho bà H nuôi dưỡng là có căn cứ chấp nhận quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng/tháng. Xét thấy, mức cấp dưỡng mà ông T tự nguyện cấp dưỡng phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý chí tự nguyện của ông T.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Thành T phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng:

- Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành T đối với bà Trần Thị Thanh H.

1.1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Thành T được ly hôn với bà Trần Thị Thanh H.

1.2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thanh N, sinh ngày 26-7-2005 và Nguyễn Thanh Nh, sinh ngày 31-7-2009 cho bà Trần Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Nguyễn Thành T cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Thành T và bà Trần Thị Thanh H đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Ông T được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Thành T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0014185 ngày 13-7-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Ông T còn phải nộp số tiền 300.000 đồng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Tân Uyên (01);
- THADS thị xã Tân Uyên (01);
- UBND phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS, VT (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mộng Tuyết